| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: **117**/2020/DS-PT
Ngày: 19-8-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Ngọc Phượng

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Phước Hưng; Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:*** Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 403/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T2, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1968 (có mặt)

Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H 2, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Ông Đặng Văn N, bà Trần Thị T – Bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung án sơ thẩm

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé B trình bày***: Vào ngày 08/3âl/2016 vợ chồng ông Đặng Văn N và bà Trần Thị Thu T vay của bà 150.000.000đ lãi suất

3%/ tháng, có biên nhận do ông N viết và ký tên, đến ngày 29/4âl/2016 ông N tiếp tục vay thêm 36.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, có viết thêm vào biên nhận mà ông N vay 150.000.000đồng vào ngày 8/3âl/2016. Tổng 02 lần vay 186.000.000đ, có trả tiền lãi đầy đủ đến tháng 10âl/2016 thì ngưng, bà có đòi nhiều lần nhưng vợ chông N-T không trả số tiền nêu trên.

Nay bà yêu cầu vợ chồng N-T trả 186.000.000đồng vốn và lãi từ khi ngưng trả (Từ tháng 10 âl/2016 đến tháng 8âl/2019 là 34 tháng 1.666%/tháng x 186.000.000 = 105.357.000đồng) và lãi suất phát sinh thêm tính từ tháng 9/2020 đến khi xét xử.

***Bị đơn ông Đặng Văn N, bà Trần Thị Thu T trình bày***: Ông N và bà T thống nhất đã từng vay tiền nhiều lần của bà Nguyễn Thị Bé B, cùng thừa nhận có vay số tiền 186.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng thời hạn vay và việc viết biên nhận vay như bà B trình bày; Nhưng sau khi vay khoảng 2,3 tháng sau ông N-bà T đã trả dứt vốn và lãi, Tuy khi trả không làm giấy tờ, cũng không ai biết và cũng không lấy lại biên nhận nợ, nhưng vợ chồng ông N - bà T xác định đã trả xong bà không còn nợ bà Bé Ba nên không đồng ý theo yêu cầu khoải kiện của bà Bé B.

***Tại Bản án sơ thẩm số 403/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang tuyên xử:***

- Buộc ông Đặng Văn N và bà Trần Thị Thu T phải trả cho bà Nguyễn Thị Bé B số tiền 272.614.000đ (Hai trăm, bảy mươi hai triệu, sáu trăm, mười bốn ngàn đồng chẵn).

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 18/2019/QĐ-KCTT, ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện P đến khi thi hành án xong.

- Bà Nguyễn Thị Bé B được nhận lại số tiền bảo đảm 50.000.000đ ( Năm mươi triệu đồng chẵn ) theo giấy nộp tiền ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện P, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/02/2019 ông Đặng Văn N và bà Trần Thị Thu T cùng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án. Thực tế vợ chồng ông bà có vay đúng số tiền như biên nhận bà B khởi kiện, nhưng ông bà đã trả dứt số tiền vay này, nên ông bà không đồng ý trả nữa theo yêu cầu của bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông N, bà T cùng trình bày: Ông, bà đã từng vay tiền của bà Bé B nhiều lần để đáo hạn ngân hàng, ông bà cũng thừa nhận có vay khoản nợ 186.000.000đồng nhưng đã trả xong, do tin tưởng trong làm ăn nên khi trả không làm giấy tờ, không ai biết và cũng không lấy lại biên nhận; Khi vay khoản vay nào thì trả khoản vay đó xong thì bà Bé B mới cho vay tiếp và thực tế thì bà Bé B đã khởi kiện ông bà số tiền nợ 270.000.000đồng mà vợ chồng ông bà đã vay vào năm 2018, vụ kiện này đã được Tòa án nhân dân huyện P và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử xong. Bà Bé B kiện ông bà số tiền vay 270.000.000đồng vay năm 2018 trong khi khoản vay 186.00.000đồng trong vụ án này thì thời gian vay năm 2016; Ông N-Bà T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chứng cứ trong hồ sơ mà Tòa án đã giải quyết khoản vay 270.000.000đồng để xem xét cho yêu cầu kháng cáo.

- Bà Bé Btrình bày: Lý do bà khởi kiện khoản nợ vay 270.000.000đồng vào năm 2018 trước khoản vay 186.000.000đồng là do sợ ông N - bà T bán đất nhằm tẩu tán tài sản không trả nợ cho bà. Bà khẳng định khoản vay 270.000.000đồng không liên quan gì đến khoản vay 186.000.000đồng bà cũng thống nhất trích lục hồ sơ của khoản vay 270.000.000đồng đã xét xử xong để xem xét. Bà đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông N bà T.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu**:

+ Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của các bị đơn ông Đặng Văn N và bà Trần Thị Thu T là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Bé B khởi kiện Ông N, bà T trả khoản vay 186.000.000đồng cùng lãi suất phát sinh theo biên nhận ngày 08/3âl/2016; ông N - bà T thừa nhận có nợ của bà Bé B theo nội dung biên nhận, ông N bà T cho rằng đã trả xong không lấy lại biên nhận, không làm giấy tờ cũng không ai biết nhưng ông N - bà T không có chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ cho bà Bé B và không được bà Bé B thừa nhận nên bà Bé B yêu cầu ông N, bà T trả số tiền 186.000.000đồng và tính lãi là có căn cứ;

Cấp sơ thẩm buộc ông N, bà T trả 272.614.000đồng (vốn 186.000.000đồng, lãi suất 86.614.000đồng) cho bà Bé B như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P là có căn cứ;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 403/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Văn N và bà Trần Thị Thu T kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông N, bà T, xét thấy:

Ông N – bà T cùng thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Bé B với tổng số tiền là 186.000.000đồng theo đúng như biên nhận mà bà Bé B đã làm chứng cứ khởi kiện, nhưng ông N- bà T cho rằng đã trả dứt số tiền vay, khi trả không làm giấy tờ, không ai biết, do tin tưởng bà Bé B nên ông N - bà T không lấy lại biên nhận, ngoài lời trình bày này ông N- bà T không có chứng cứ gì chứng minh được việc trả tiền, ông Bà cho rằng trong hồ sơ của khoản nợ 270.000.000 mà bà Bé B khởi kiện đã được Tòa án nhân dân huyện P và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử ông đã cung cấp 1 USB có đoạn ghi âm liên quan đến biên nhận 186.000.000đồng;

Bà Bé B không thừa nhận việc ông N – bà T đã trả khoản nợ vay 186.000.000đồng và khẳng định khoản vay 270.000.000đồng không liên quan đến khoản vay 186.000.000đồng vì cả hai khoản nợ này là 2 biên nhận khác nhau; cụ thể là khoản vay 270.000.000đồng là biên nhận đề ngày 30/3/âl2018 còn khoản vay 186.000.000đồng là biên nhận đề ngày 08/3âl/2016;

Tại phiên tòa ngày 28/7/2020 ông N - bà T, bà Bé B cùng thống nhất yêu cầu Hội đồng xét xử trích lục hồ sơ của khoản vay 270.000.000đồng theo biên nhận đề ngày 30/3/âl2018 mà Tòa án nhân dân huyện P và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã xét xử xong;

Qua trích lục và trích sao hồ sơ dân sự phúc thẩm được thụ lý số: 183/2019 ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã xét xử; qua đoạn ghi âm được ghi trong USB có cuộc đối thoại của ông N và bà Bé B có nội dung đề cặp đến giấy tờ; cụ thể lời ông N nói *"....còn biên nhận kia...."* và lời của bà Bé B "*...Tôi đưa giấy đó cho, đưa giấy chính cho''* những câu thoại này ông N cho rằng biên nhận được đề cặp trong cuộc hội thoại là biên nhận 186.000.000đồng mà bà Bé B đang giữ và yêu cầu ông trả khoản vay

270.000.000đồng thì bà Bé B sẽ trả lại biên nhận 186.000,000đồng mà ông đã trả xong; nội dung hội thoại này được các bên đương sự thừa nhận là giọng nói mình; Hội đồng xét xử không trưng cầu giám định giọng nói; nhưng với nội dung hội thoại trên cũng không xác định được cụ thể là biên nhận với khoản vay nào, vào ngày nào và bà Bé B yêu cầu ông N-bà T trả khoản vay 270.000.000đồng thì sẽ trả lại biên nhận nợ 186.000.000đồng như lời khai nại của ông N - bà T.

Tuy nhiên, tại bút lục số 28, 29, 30, 31, 36, 37 là Biên bản đối chất ngày 20/6/2019 giữa bà Bé B với ông N - bà T; Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 04/7/2019 và ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện P đều có thể hiện lời trình bày của bà Bé B có nội dung " *Trước đây tôi có cho vợ chồng ông N vay tiền nhiều lần, nhưng sau đó đã trả hết, chỉ còn lần vay 270.000.000đồng ngày 30/02 /2018al đến nay chưa trả.....*" Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hơn nữa khi bà Bé B khởi kiện khoản vay 270.000.000đồng là khoản vay của 2018 mà không đề cặp gì đến khoản vay 186.000.000đồng là khoản vay của năm 2016.

Từ những phân tích trên cho thấy việc ông N - bà T kháng cáo cho rằng khi vay tiền của bà Bé B khoản nợ nào là trả dứt khoản nợ đó thì bà Bé B mới tiếp tục cho vay nữa và khoản nợ vay 186.000.000đồng ông N – bà T đã trả xong cho bà Bé B là có căn cứ; Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N - bà T sửa bản án sơ thẩm số: 403/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé B kiện đòi ông N- bà T trả khoản tiền 186.000.000đồng theo biên nhận ngày 29/4âl/2016.

[3] Về án phí: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bé B nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà Nguyễn Thị Bé B trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận cho bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo và sửa án sơ thẩm nên ông N - bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông bà được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 92, khoản 2 Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn N và bà Trần Thị Thu T.

Sửa bản án sơ thẩm số 403/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé B.

- Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 18/2019/QĐ-KCTT ngày 24 tháng 9 năm 2019; Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 18/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Bé B được nhận lại số tiền bảo đảm 50.000.000đ ( Năm mươi triệu đồng chẵn ) theo giấy nộp tiền ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện P, tỉnh An Giang.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé B được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Ông Đặng Văn N và bà Trần Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp mỗi người 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006398, 0006399 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lâm Ngọc Phượng**

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND H. P (1)
- THA H. P (1)
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự "Để thi hành";
- Lưu: Hồ sơ.